TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN QUẢNG XƯƠNG** **TỈNH THANH HÓA**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 60 /2021/HSST
Ngày: 23 - 8 - 2021

NHÂN DANH
N□ỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ □N NHÂN DÂN HUYỆN QUẢNG XƯƠNG - T□NH THANH HO□

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Bùi Thị Huyền

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đặng Ngọc Bình

Bà Nguyễn Thị Lệ Thanh

- Th- ký phiên toà: Bà Trần Thị Huệ - Th- ký Tòa án nhân dân huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hoá.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hoá tham gia phiên toà: Ông Trần Mạnh Cường - Kiểm sát viên

Ngày 23 tháng 8 năm 2021 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hoá xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 46/2021/TLST- HS ngày 16 tháng 6 năm 2021 theo Quyết định đ- a vụ án ra xét xử số 61/2021/QĐXXST- HS ngày 24 tháng 7 năm 2021. Quyết định hoãn phiên tòa số 27 ngày 09/8/2021 đối với bị cáo:

Dương Văn M, sinh năm 1989; đăng ký hộ khẩu th- ờng trú và chỗ ở hiện nay: Thôn T, xã Q, huyện Q, tỉnh Thanh Hoá; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ văn hoá: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Dương Thanh S và bà Nguyễn Thị L (đã chết); vợ: chưa; tiền án, tiền sự: không; tạm giữ: không; tạm giam: từ ngày 14/12/2020. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

**Người bị hại:*

1. Anh Nguyễn Duy L - sinh năm 1992 (có mặt)
Địa chỉ: Thôn 4, xã Q, huyện Q, tỉnh Thanh Hóa.
2. Anh Nguyễn Thế Q – sinh năm 1989 (vắng mặt)
Địa chỉ: phường Q, Thành phố T, tỉnh Thanh Hóa
3. Ông Trần Tất C - sinh năm 1956 (vắng mặt)
Địa chỉ: số nhà N, đường B, phường T, quận 12, Thành phố H
4. Anh Phạm Thanh V - sinh năm 1980 (vắng mặt)
Địa chỉ: phường Q, Thành phố S tỉnh Thanh Hóa

5. Chị Hoàng Thị B - sinh năm 1987 (vắng mặt)
Địa chỉ: Thôn N, xã Q, huyện Q, tỉnh Thanh Hóa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên toà, nội dung vụ án đ- ợc tóm tắt nh- sau:

Do làm ăn kinh doanh buôn bán bị thua lỗ, nợ tiền của nhiều người và không có tiền tiêu sài cá nhân. Dương Văn M nảy sinh ý định làm giả giấy chứng nhận quyền sử dụng đất rồi sử dụng giấy tờ giả đó để lừa đảo chiếm đoạt tiền. Vì vậy thông qua mối quan hệ quen biết với bà Lê Thị D, sinh năm 1952 ở xã Q,, Thanh Hóa. Dương Văn M đã mượn 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa đất số 1539,1 mang tên Hoàng Đức H ở xã Q Thanh Hóa (con trai bà D) và thửa đất số 1539,2 mang tên Nguyễn Văn D và Hoàng Thị D (con rể và con gái bà D) thuộc tờ bản đồ số 23, ở xã Q, Thanh Hóa mà bà D đang giữ hộ cho các con. Sau đó, M dùng điện thoại di động chụp lưu lại hình ảnh và thông tin của hai thửa đất. Khoảng tháng 10/2020 (M không nhớ cụ thể ngày), M lên mạng xã hội Zalo liên hệ với tài khoản có tên " Gia Hân", thuê làm giả 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác trên đất với giá 16.000.000đ. M gửi qua Zalo hình ảnh 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa đất số 1539,1 và thửa đất số 1539,2 cho tài khoản Zalo "Gia Hân" và yêu cầu chủ tài khoản trên làm giả 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tương tự có thay đổi một số thông tin và thay đổi tên chủ sở hữu là Dương Văn M. Khoảng 07 ngày sau, M nhận được 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả bằng hình thức sip-cod qua nhân viên chuyển phát (M không biết tên, tuổi, địa chỉ của người này) và trả số tiền 16.000.000đ cho chủ tài khoản Zalo "Gia Hân".

Ngày 04/12/2020 M mang giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả có thông tin thửa đất số 1539,2 tờ bản đồ số 23 thôn 7, xã Q, Thanh Hóa, số phát hành CK986930 đến nhà anh Nguyễn Duy L sinh năm 1992 làm nghề cầm đồ ở Thôn a, xã Q, Thanh Hóa để thế chấp vay của anh L số tiền 150.000.000đ. Số tiền này M dùng để trả nợ và tiêu sài cá nhân hết.

Ngày 12/12/2020, Dương Văn M gọi điện cho Nguyễn Thế Q, sinh năm 1989 ở Q, Thành phố T hỏi vay tiền, nhưng do không có mối quan hệ thân thiết nên Q không cho vay. M liền nói dối với Q "Tôi có mảnh đất ở Q đứng tên chính chủ, ông cho tôi thế chấp vay nóng 50.000.000đ hoặc 80.000.000đ", Q đồng ý. Sau đó khoảng 17h cùng ngày, M mang giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số phát hành CK 986930 đến nhà Q ở Q, Thành phố T thế chấp vay 80.000.000đ. Sau khi lập Hợp đồng đặt cọc, Q đưa trước cho M 20.000.000đ và hẹn 2 đến 3 ngày sau sẽ làm thủ tục công chứng chờ rồi sẽ đưa tiếp 60.000.000đ. Đến khoảng 17h30' ngày 14/12/2020 khi M đang ở Thành phố T thì Q gọi điện cho M hẹn đến quán cà phê Ly ở Thị trấn T, Q để làm thủ tục công chứng sang tên và Q đưa nốt

số tiền 60.000.000đ còn lại cho M. Do không có xe nên Q đến đón M từ Thành phố T về quán cà phê Ly ở Thị trấn T, huyện Q. Tại đây trong lúc chờ công chứng viên đến để làm hợp đồng công chứng chuyển nhượng quyền sử dụng đất, M lấy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả đưa cho Q, Q cầm để trên bàn và lấy ví đếm số tiền 60.000.000đ đưa cho M theo hợp đồng thì bị lực lượng công an huyện Q bắt quả tang. Tại chỗ công an thu giữ: 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CK986930 cấp ngày 11/8/2020 số vào sổ CH-02513, thửa đất số 1539,1; tờ bản đồ số 23 ở Q Thanh hóa mang tên Dương Văn M nghi là giả (theo M khai báo là thuê làm trên mạng xã hội); số tiền 60.000.000đ; 01 Hợp đồng đặt cọc; 01 điện thoại di động cảm ứng Sam Sung bên trong gắn thẻ sim số 0977963297 của M.

Khám xét khẩn cấp nơi làm việc và nhà ở của Dương Văn M tại thôn N, xã Q, huyện Q và Thôn T, xã Q, huyện Q, Thanh Hóa, cơ quan công an huyện Quảng Xương phát hiện thu giữ: 04 (bốn) Hợp đồng góp vốn giữa Dương Văn M và Trần Tất B, sinh năm 1990 ở Q, Thanh Hóa; Nguyễn Thị H, sinh năm 1974 ở Q, Thanh Hóa; Văn Thị C, sinh năm 1975 ở Q, Thanh Hóa; Trần Tất C, sinh 1958 ở phường Tân, quận 12, Thành phố H; 01 (một) chứng chỉ đào tạo cơ bản về bán hàng đa cấp; thu giữ 10 (mười) giấy nộp tiền tại ngân hàng Agribank; 01 (một) chứng nhận nộp tiền tại Tổng công ty Bưu điện Việt Nam; 01 (một) phiếu chứng nhận giao dịch tại Tổng công ty Bưu điện Việt Nam; 01 (một) phiếu yêu cầu giao dịch tại điểm Bưu điện văn hóa xã Q ở trong tủ nhựa trong phòng ngủ nơi làm việc của Minh.

Quá trình điều tra, Dương Văn M đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình: M đã thuê người khác làm giả 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất với nội dung thông tin do M cung cấp. Sau đó M dùng 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả này để lừa đảo chiếm đoạt tài sản với số tiền 150.000.000đ của anh Nguyễn Duy L và chiếm đoạt 80.000.000đ của Nguyễn Thế Q. Tổng số tiền chiếm đoạt là: 230.000.000đ.

Ngày 07/4/2021 cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Quảng Xương đã trưng cầu giám định phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thanh Hóa giám định 02 (hai) giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của Dương Văn M đã sử dụng để thế chấp vay tiền. Tại bản kết luận số 1303/PC09 ngày 08/4/2021 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thanh Hóa kết luận:

- Phôi in 02 (hai) Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất đều có số CK986930 (mẫu cần giám định) và phôi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DB 635316 (mẫu cơ quan cảnh sát điều tra thu thập để so sánh) không cùng một phương pháp in.

- Hình dấu nổi có nội dung " Bộ tài nguyên và môi trường" đóng trên 02 (hai) Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất đều có số CK986930 (mẫu cần giám định) và hình dấu nổi có cùng

nội dung đóng trên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DB 635316 (mẫu so sánh) không phải do cùng một con dấu đóng ra.

- Hình dấu tròn mầu đỏ có nội dung " ỦY BAN N.D HUYỆN QUẢNG XƯƠNG T.THANH HÓA" trên 02 (hai) Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất đều có số CK986930 (mẫu cần giám định) so với hình dấu đỏ có cùng nội dung trên mẫu so sánh cơ quan cảnh sát điều tra thu thập được không phải do cùng một con dấu đóng ra.

- Chữ ký đứng tên "Nguyễn Đình D" trên 02 (hai) Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất đều có số CK986930 (mẫu cần giám định) so với chữ ký đứng tên " Nguyễn Đình D" trên mẫu so sánh không phải một người ký ra.

* Ngoài ra Dương Văn Minh còn lên mạng xã hội Zalo thuê làm con dấu giả tên " CÔNG TY CỔ PHẦN KINH ĐÔ" rồi tự nhận bản thân là Phó tổng giám đốc Công ty cổ phần bánh kẹo Kinh Đô có trụ sở đóng tại địa chỉ: 143, đường Đa Kao, phường 11, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh mục đích để lừa đảo, chiếm đoạt tiền bằng hình thức huy động góp vốn vào công ty với lãi suất cao. Cụ thể như sau:

Lần thứ nhất: Ngày 14/6/2019, Minh đến Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh gặp ông Trần Tất C, sinh năm 1958 ở phường T, quận 12, Thành phố H Tại đây, M giới thiệu mình là Phó tổng giám đốc Công ty cổ phần bánh kẹo Kinh Đô và mời ông C góp vốn vào công ty của mình để thu lãi suất hàng tháng, ông C đồng ý và đưa cho M số tiền 100.000.000đ để góp vốn vào Công ty cổ phần bánh kẹo Kinh Đô. Minh nhận tiền và lập một hợp đồng góp vốn với số tiền 100.000.000đ rồi ký tên và dùng dấu giả đã mua trước đó đóng vào hợp đồng. Sau đó từ tháng 7/2019 đến tháng 10/2019 hàng tháng Minh trả lãi cho ông C 9.000.000đ, tổng cộng là: 36.000.000đ.

Lần thứ hai: Do có mối quan hệ là học sinh cũ của anh Phạm Thanh V, sinh năm 1980 ở phường Q, Thành phố S, tỉnh Thanh Hóa. Dương Văn M đã nhiều lần gọi điện thoại nói chuyện và tự xưng danh là Phó tổng giám đốc Công ty cổ phần bánh kẹo Kinh Đô. Sau khi tạo được lòng tin, M nói muốn tạo điều kiện cho thầy giáo cũ nên mời ông V góp tiền vốn vào Công ty của mình để thu lãi suất cao. Ông V tin M nên ngày 24/7/2020 đã đem số tiền 50.000.000d đến cửa hàng của M ở Thôn N, xã Q, huyện Q, tỉnh Thanh Hóa đưa cho M. Tại đây M lập Hợp đồng góp vốn rồi ký tên và dùng con dấu giả mua trước đó đóng vào hợp đồng. Sau khi lừa đảo chiếm đoạt được số tiền trên M sử dụng hết vào việc tiêu sài cá nhân.

Lần thứ ba: Khoảng tháng 8/2020, Dương Văn M đến gặp chị Hoàng Thị B, sinh năm 1987, ở thôn N, xã Q, huyện Q, tỉnh Thanh Hóa, M giới thiệu mình là Phó tổng giám đốc Công ty cổ phần bánh kẹo Kinh Đô và mời chị B góp vốn vào công ty của mình, hàng tháng thu lãi suất cao. Ngày 01/9/2020 M đến nhà chị B lập Hợp đồng góp vốn với số tiền góp vốn là 50.000.000đ rồi ký tên và dùng dấu

giả đã mua trước đó đóng vào hợp đồng. Đến ngày 25/11/2020 M đã đưa cho chị B 4.000.000đ.

Quá trình điều tra anh Phạm Thanh V, chị Hoàng Thị B, ông Trần Tất C đã báo cáo toàn bộ hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản của Dương Văn M. Lời khai của anh V, chị B, ông C phù hợp với lời khai của Dương Văn M và phù hợp với những tài liệu khác cơ quan điều tra thu thập được.

Quá trình điều tra Cơ quan ảnh sát điều tra đã tiến hành xác minh Công ty cổ phần bánh kẹo Kinh Đô có địa chỉ: 143, đường Đa Kao, phường 11, quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh mà Minh ghi trên Hợp đồng góp vốn với các bị hại. Kết quả xác minh: tại quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh không có địa chỉ 143, đường Đa Kao, phường 11.

Tiếp tục xác minh về mẫu dấu mà Minh đã đóng trên Hợp đồng góp vốn mang tên " CÔNG TY CỔ PHẦN KINH ĐÔ". Kết quả xác minh: tại Sở kế hoạch và đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh " CÔNG TY CỔ PHẦN KINH ĐÔ" được đăng ký lần đầu ngày 06/09/2002 và đăng ký thay đổi lần thứ 25 ngày 23/3/2021 hiện tên công ty là " CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN KIDO" và vẫn đang hoạt động chưa giải thể.

Tại trụ sở Công ty cổ phần tập đoàn KIDO qua xác minh thì trong cơ cấu tổ chức bộ máy nhân sự của công ty không có ai là Dương Văn Minh thường trú tại xã Quang Trung, Quảng Xương, Thanh Hóa. Công ty đã được thay đổi lần thứ 21 ngày 28/9/2015 tên cũ là Công ty cổ phần Kinh Đô thành tên mới là Công ty cổ phần tập đoàn KIDO. Mẫu dấu đã bị hủy từ ngày 28/9/2015 thay đổi tên công ty, hiện tại công ty sử dụng mẫu dấu mới mang tên " CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN KIDO". Do đó cơ quan cơ quan cảnh sát không thu thập được mẫu dấu của Công ty cổ phần Kinh Đô (cũ) để tiến hành giám định. Hiện Công ty đang sử dụng mẫu dấu " CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN KIDO", vì vậy không đủ cơ sở để xử lý Dương Văn M về hành vi sử dụng con dấu giả của Công ty cổ phần tập doàn KIDO.

Tổng số tiền M lừa đảo chiếm đoạt chiếm đoạt tài sản của các bị hại là 430.000.00đ.Trong đó M đã chiếm đoạt số tiền 370.000.000đ. Quá trình điều tra chị Hoàng Thị B và ông Trần Tất C khai chấp nhận khoản tiền M đã trả lại cho chị B 4.000.000đ, ông C 36.000.000đ. Do đó cần xác định M đã trả cho ông C 36.000.000đ và chị B 4000.000đ. Buộc M phải trả lại cho anh Lộc 150.000.000đ, anh Q 20.000.000đ, ông C 64.000.000đ, chị B 46.000.000đ, anh V 50.000.000đ.

Quá trình điều tra xác định trong khoảng thời gian từ tháng 6 năm 2019 đến tháng 12/2020 Dương Văn M đã 05 lần thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản. Tuy nhiên qua xác minh, M có công ăn việc làm ổn định, không lấy kết quả những lần phạm tội làm nguồn sống chính. Do đó không có căn cứ xác định M phạm tội có tính chất chuyên nghiệp.

Đối với chiếc điện thoại di động cảm ứng hiệu Sam Sung bên trong gắn thẻ số sim 0977963297 thu giữ của Dương Văn M, quá trình điều tra xác định đây là điện thoại M dùng để liên lạc lừa đảo chiếm đoạt tài sản, nên cần tịch thu nộp ngân sách nhà nước.

Đối với số tiền 60.000.000đ thu giữ khi bắt quả tang, cơ quan cảnh sát điều tra công an huyện Quảng Xương đã ra Quyết định xử lý vật chứng trả lại cho chủ sở hữu hợp pháp là anh Nguyễn Thế Q là đúng qui định.

Đối với 01 chứng chỉ đào tạo cơ bản về bán hàng đa cấp; 10 giấy nộp tiền tiền tại ngân hàng Agribank; 01 chứng nhận nộp tiền tại tổng công ty Bưu điện Việt Nam; 01 phiếu chứng nhận giao dịch tại Tổng công ty Bưu điện Việt Nam; 01 phiếu yêu cầu giao dịch tại điểm Bưu điện văn hóa xã Quảng Lợi thu giữ của Dương Văn M. Đây là những tài liệu không liên quan đến vụ án, nên cơ quan cơ quan cảnh sát điều tra công an huyện Quảng Xương đã ra Quyết định xử lý vật chứng trả lại cho ông Dương Thanh S ở T, Thanh Hóa (bố đẻ của Dương Văn M) là người được ủy quyền nhận lại là phù hợp.

Đối với 03 hợp đồng góp vốn Dương Văn M và Trần Tất B; Nguyễn Thị H; Văn Thị C mà cơ quan cảnh sát điều tra thu được khi khám xét khẩn cấp nơi làm việc của M. Đây cũng là thủ đoạn M dùng để chiếm đoạt tiền của những người trên. Tuy nhiên khi cơ quan canh sát điều tra tiến hành làm việc thì anh B, chị H, chị C đều từ chối làm việc và không đề nghị pháp luật giải quyết. Vì vậy không đủ cơ sở để xem xét trách nhiệm hình sự đối với M về 03 bản hợp đồng góp vốn trên.

Đối với tài khoản Zalo tên " Gia Hân" mà M khai đã đặt làm giả 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Cơ quan cảnh sát điều tra đã tiến hành điều tra xác minh nhưng không có tài khoản nào tên " Gia Hân". Đây là tài khoản Zalo trên mạng xã hội nên tên tài khoản có thể thay đổi hàng ngày. Vì vậy không có căn cứ xác định ai là chủ tài khoản tên " Gia Hân".

Tại bản cáo trạng số 53/CTr-VKSQX ngày 14 tháng 6 năm 2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hoá truy tố Dương Văn M về tội: " Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" và " Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức; tội sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan tổ chức" theo điểm a khoản 3 Điều 174 và điểm b khoản 3 Điều 341 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa Đại diện Viện kiểm sát huyện Quảng Xương luận tội vẫn giữ nguyên quyết định truy tố, đồng thời đề nghị hội đồng xét xử áp dụng điểm a khoản 3 Điều 174; điểm b khoản 3 Điều 341; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 55 BLHS đề nghị xử phạt bị cáo từ 07 năm đến 07 năm 06 tháng tù về tội: " Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" và từ 03 năm đến 03 năm 06 tháng tù về tội:" Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức; tội sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan tổ chức". Tổng hợp 02 tội là 10 năm đến 11 năm tù.Thời gian chấp hành hình phạt tính từ ngày 14/12/2020.

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo, vì bị cáo không có tài sản.

Tịch thu nộp ngân sách Nhà nước 01 điện thoại di động hiệu Sam Sung thu giữ của Dương Văn M vì đây là điện thoại bị cáo dùng để thực hiện hành vi phạm tội.

Buộc bị cáo M phải trả lại cho anh L 150.000.000đ, anh Q 20.000.000đ, ông C 64.000.000đ, chị B 46.000.000đ, anh V 50.000.000đ. Tổng là: 330.000.000đ và phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự có giá ngạch theo qui định của pháp luật.

Tại phiên tòa: Bị hại anh Nguyễn Duy L có ý kiến đề nghị bị cáo M phải có trách nhiệm trả cho anh số tiền 150.000.000đ.

Bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội và không tranh luận gì với đại diện Viện kiểm sát, lời sau cùng đề nghị hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Quảng Xương, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Quảng Xương, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình đều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến, khiếu nại gì về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa hôm nay, lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, lời khai bị hại, người liên quan, cùng các chứng cứ tài liệu thu thập phản ánh trong hồ sơ. Đủ cơ sở chứng minh: Do không có tiền tiêu sài cá nhân và trả nợ nên Dương Văn M đã nảy sinh ý định là giả giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, sau đó sử dụng giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả tạo lòng tin của người bị hại để lừa đảo chiếm đoạt tài sản. Khoảng tháng 10/2020 M lên mạng thuê người làm giả 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên Dương Văn M với giá 16.000.000đ. Nội dung thông tin trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả do M cung cấp. Sau khi nhận được 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả thì ngày 04/12/2020 M đã sử dụng 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả số CK986930 thế chấp thửa đất số 1539,2 tờ bản đồ số 23 ở thôn Q, Thanh Hóa cho anh Nguyễn Duy L chiếm đoạt số tiền 150.000.000đ. Còn 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả số CK98693, thửa đất số 1539,1 tờ bản đồ số 23 ở Q, Thanh Hóa, ngày 12/12/2020 M thế chấp vay anh Nguyễn Thế Q số tiền 80.000.000đ. anh Q mới đưa trước cho M số tiền 20.000.000đ. Đến khoảng 17h30’ ngày 14/12/2020 tại quán cà phê Ly ở Thị trấn T khi M đang tiếp nhận số tiền

60.000000đ do anh Q đưa thì bị lực lượng công an huyện Quảng Xương bắt quả tang. Qua giám định 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên là giả. Tổng số tiền M sử dụng 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả chiếm đoạt được là 230.000.000đ.

[2.1]. Ngoài ra trước đó Dương Văn M còn dùng thủ đoạn tự xưng là Phó tổng giám đốc Công ty cổ phần bánh kẹo Kinh Đô, tạo lòng tin của người bị hại để các bị hại tin tưởng góp tiền vào Công ty lấy lãi xuất cao thông qua hợp đồng góp vốn do M tự soạn và đóng dấu Công ty cổ phần Kinh Đô mà trước đó M đã tự thuê trên mạng làm con dấu giả cho các bị hại tin là thật để đưa tiền cho M, cụ thể: Lần thứ nhất: Ngày 14/6/2019 tại nhà ông Trần Tất C, ông Cđồng ý và đưa cho M số tiền 100.000.000đ để góp vốn vào Công ty cổ phần bánh kẹo Kinh Đô. Lần thứ hai: Ngày 24/7/2020 tại cửa hàng của M, anh Phạm Thanh Vđã đưa cho Minh số tiền 50.000.000đ để góp vốn vào Công ty cổ phần bánh kẹo Kinh Đô. Lần thứ ba: Ngày 01/9/2020 tại nhà chị Hoàng Thị B, chị B đã đưa cho Minh số tiền 50.000.000đ để góp vốn vào Công ty cổ phần bánh kẹo Kinh Đô. Toàn bộ số tiền trên M sử dụng tiêu sài cá nhân và trả nợ. Trong khoảng thời gian từ tháng 6/2019 đến tháng 12/2020 M đã thực hiện hành vi với số lần M lừa đảo chiếm đoạt tài sản của các bị hại là 05 lần, tổng số tiền là 340.000.000đ.

[2.2].Dương Văn M tuy có 05 lần thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản của người bị hại, nhưng các tài liệu có trong hồ sơ thể hiện trước khi bị bắt M có công việc ổn định (có mở cửa hàng bán đồ Chay tại địa chỉ thôn Nh, xã Q, huyện Qg, tỉnh Thanh Hóa), M không lấy kết quả những lần phạm tội trên làm nguồn sống chính, do đó không có căn cứ xác định M phạm tội có tính chất chuyên nghiệp như Viện kiểm sát kết luận là có căn cứ. Như vậy, tổng số tiền bị cáo M lừa đảo chiếm đoạt tài sản là: 340.000.000đ, đây là tình tiết định khung hình phạt đối với bị cáo được qui định tại điểm a khoản 3 Điều 174 BLHS (chiếm đoạt tài sản có giá trị từ 200.000.000đ đến dưới 500.000.000đ), Nên tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát luận tội vẫn giữ nguyên Quyết định truy tố bị cáo về tội " Lừa đảo chiếm đạt tài sản" theo điểm a khoản 3 Điều 174 Bộ luật hình sự là có căn cứ phù hợp với qui định của pháp luật.

[2.3]. Đối với hành vi Minh thuê người làm con dấu giả tên " CÔNG TY CỔ PHẦN KINH ĐÔ" rồi tự nhận bản thân là Phó tổng giám đốc Công ty cổ phần bánh kẹo Kinh Đô mục đích để lừa đảo, chiếm đoạt tiền bằng hình thức huy động góp vốn vào công ty với lãi suất cao. Quá trình điều tra mẫu dấu đã bị hủy từ ngày 28/9/2015 thay đổi tên công ty, hiện tại công ty sử dụng mẫu dấu mới mang tên " CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN KIDO". Do đó cơ quan cảnh sát điều tra không thu thập được mẫu dấu của Công ty cổ phần Kinh Đô (cũ) để tiến hành giám định. Hiện công ty đang sử dụng mẫu dấu " CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN KIDO", vì vậy không đủ cơ sở để xử lý Dương Văn M về hành vi sử dụng

con dấu giả của Công ty cổ phần tập đoàn KIDO như Viện kiểm sát kết luận là có căn cứ.

[2.4]. Đối với Hành vi của Dương Văn M thuê người khác làm 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả đứng tên Dương Văn M, sau đó sử dụng 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả này lừa đảo chiếm đoạt tài sản tổng số tiền 230.000.000đ. Như vậy, M đã thực hiện một chuỗi hành vi phạm tội: Làm giả giấy tờ tài liệu và sử dụng chính giấy tờ tài liệu giả vào mục đích lừa đảo chiếm đoạt tài sản. Tất cả những hành vi đó có liên quan chặt chẽ với nhau, hành vi trước là tiền đề, điều kiện thực hiện hành vi sau, hành vi sau là hậu quả tất yếu của hành vi trước và bị cáo đã làm giả giấy tờ tài liệu và sử dụng chính giấy tờ tài liệu giả vào mục đích lừa đảo chiếm đoạt tài sản như Viện kiểm sát truy tố về tội " Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" theo điểm a khoản 3 Điều 174 BLHS (khoản 3 có khung hình phạt từ 07năm đến 15 năm, thuộc tội rất nghiêm trọng được qui định tại điểm c khoản 1 Điều 9 BLHS), vì vậy bị cáo phải chịu tình tiết định khung hình phạt "Sử dụng con dấu, tài liệu hoặc giấy tờ khác thực hiện tội phạm rất nghiêm trọng" được qui định tại điểm b khoản 3 Điều 341 BLHS. Nên tại phiên tòa đại diện viện kiểm sát luận tội vẫn giữ nguyên Quyết định truy tố bị cáo về tội " Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức; tội sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan tổ chức" theo điểm b khoản 3 Điều 341 của Bộ luật hinh sự là có căn cứ và phù hợp với qui định của pháp luật.

[2.5]. Hội đồng xét xử có đủ cở sở kết luận: Hành vi phạm tội của Dương Văn M dùng thủ đoạn gian dối chiếm đoạt số tiền 430.000.000đ của nhiều bị hại, có đầy đủ dấu hiệu cấu thành tội: " Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" với tình tiết định khung tăng nặng và chịu trách nhiệm hình sự được qui định tại điểm a khoản 3 Điều 173 của Bộ luật hình sự. Hành vi thuê người làm giả 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, sau đó sử dụng 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả lừa đảo chiếm đoạt tài sản với số tiền 230.000.000đ của người bị hại, hành vi của bị cáo Dương Văn M có đầy đủ dấu hiệu cấu thành tội: " Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức; tội sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan tổ chức" với tình tiết định khung tăng nặng và chịu trách nhiệm hình sự được qui định tại điểm b khoản 3 Điều 341 của Bộ luật hình sự.

[3].Tính chất vụ án: Trong vụ án này bản thân bị cáo biết rõ và nhận thức được việc vay tiền mà không có biện pháp bảo đảm và không tạo lòng tin thì người cho vay sẽ không tin tưởng và họ sẽ không cho vay tiền, nên bị cáo đã nảy sinh ý đồ thuê người làm giả giấy chứng nhận quyền sử dụng đất rồi sử dụng chính giấy tờ giả đó tạo lòng tin để người bị hại tưởng là giấy thật đồng ý cho bị cáo vay tiền nhằm mục đích lừa đảo chiếm đoạt tiền của họ và để chiếm đoạt được tiền bị cáo còn giả danh mình là Phó tổng giám đốc Công ty cổ phần bánh kẹo Kinh đô và sử dụng con dấu giả sau khi đã thuê người làm, để tạo lòng tin bằng hình thức ký hợp đồng góp vốn vào công ty với lãi xuất cao, tạo niềm tin cho

người bị hại tin tưởng và đưa tiền cho bị cáo. Tổng số tiền bị cáo M chiếm đoạt trái phép của các bị hại là 430.000.000đ. Hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản của bị cáo đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác một cách trái pháp luật, làm ảnh hưởng đến sinh hoạt bình thường của bộ phận dân cư nơi công cộng, gây tâm lý hoang mang lo lắng trong nhân dân. Hành vi làm giả giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bị cáo đã xâm phạm trực tiếp đến hoạt động tình thường của cơ quan tổ chức trong lĩnh vực quản lý hành chính nhà nước về đất đai, gây khó khăn cho công tác quản lý xã hội và hoạt động của các cơ quan nhà nước. Hai hành vi phạm tội trên của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, có tính chất rất nghiêm trọng, gây dư luận xấu trong quần chúng nhân dân, làm ảnh hưởng đến an ninh trật tự, an toàn xã hội, đến hoạt động của các cơ quan nhà nước, do vậy phải được xử lý nghiêm minh mới có tác dụng răn đe giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung.

[4]. Nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ và trách nhiệm hình sự đối với bị cáo: Bị cáo là người có học, có nhận thức, chỉ vì cần tiền để tiêu sài cá nhân và trả nợ mà bất chấp tình cảm của những người thân quen mà họ tin tưởng, bất chấp qui định của pháp luật cũng như dư luận xã hội lao vào con đường phạm tội. Tuy nhân thân bị cáo ch- a tiền án, tiền sự, nhưng tính chất vụ án là rất nghiêm trọng, phạm tội do lỗi cố ý, nên việc cách ly bị cáo khỏi xã hội một thời gian là cần thiết để cải tạo giáo dục bị cáo là nhằm răn đe phòng ngừa chung cho xã hội. Khi quyết định hình phạt cũng cần xem xét giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo một phần vì: thành khẩn khai báo, bố bị cáo là thương binh có công với cách mạng được Nhà nước tặng thưởng huân chương trong kháng chiến chống Mỹ cứu nước, đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo được qui định tại điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của BLHS. Đối với tội " Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" bị cáo đã 05 lần thực hiện hành vi, nên bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự được qui định tại điểm g khoản 1 Điều 52 BLHS.

[5]. Do bị cáo M phạm 02 tội nên cần áp dụng 55 BLHS để tổng hợp hình phạt của nhiều tội đối với bị cáo.

[6]. Bị cáo M sau khi phạm tội và hiện nay không có tài sản thu nhập gì, bản thân đến nay chưa có tiền để trả cho những người bị hại, nghĩ nên chưa cần thiết phải áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo là phù hợp.

[7]. Về trách nhiệm dân sự: Theo báo cáo của anh Nguyễn Duy L số tiền của anh bị M chiếm đoạt là 150.000.000d, cho đến nay M chưa trả lại cho anh được đồng nào, nay anh yêu cầu M phải trả cho anh số tiền trên.Theo báo cáo của anh Nguyễn Thế Q số tiền Minh chiếm đoạt của anh là 80.000.000đ, nhưng anh mới đưa 20.000.000d, còn 60 triệu anh đã được cơ quan công an trả lại, nay anh yêu cầu M phải trả lại cho anh số tiền 20.000.000đ. Theo báo cáo của ông Trần Tất C số tiền M chiếm đoạt của ông là 100.000.000đ, M đã trả cho ông 36.000.000đ, nay ông yêu cầu M phải trả cho ông số tiền 64.000.000đ.

Theo báo cáo của anh Phạm Thanh V số tiền M chiếm đoạt của anh là 50.000.000đ, chưa trả được đồng nào, nay anh yêu cầu M phải trả cho anh số tiền là 50.000.000đ.Theo báo cáo của chị Hoàng Thị B, số tiền M chiếm đoạt của chị là 50.000.000đ, M đã trả cho chị 4.000.000đ, nay chị yêu cầu M phải trả cho chị số tiền 46.000.000đ. Toàn bộ số tiền trên M có được là do thực hiện hành vi phạm tội mà có và chiếm đoạt một cách trái pháp luật, nên căn cứ Điều 48 BLHS buộc bị cáo M phải có trách nhiệm trả lại tài sản đã chiếm đoạt cho những người bị hại, cụ thể: Trả cho cho anh L 150.000.000đ, ông C 64.000.000đ, anh Q 20.000.000đ, chị B 46.000.000đ, anh V 50.000.000đ là phù hợp.

[8]. Về vật chứng: Đối với 01 điện thoại di động hiệu Sam Sung bên trong có gắn thẻ sim 0977963297 thu giữ của Dương Văn M, hiện đang lưu giữ tại cơ quan Thi hành án dân sự huyện Quảng Xương theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 16/7/2021, quá trình điều tra xác định đây là điện thoại M dùng để liên lạc lừa đảo chiếm đoạt tài sản và là công cụ phạm tội, căn cứ điểm a khoản 1 Điều 47 BLHS; điểm a khoản 2 Điều 106 BLTTHS cần tịch thu nộp ngân sách nhà nước.

[9].Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự có giá ngạch tương ứng với số tiền phải trả cho các bị hại theo qui định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Điểm a khoản 3 Điều 174; điểm b khoản 3 Điều 341; điểm s khoản 1 Điều 51; khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38, Điều 55; Điều 48; điểm a khoản 1 Điều 47 BLHS; Khoản 1 điểm a khoản 2 Điều 106; khoản 2 Điều 136; Điều 331, Điều 332, Điều 333 BLTTHS; Khoản 2 Điều 468 của BLDS; Điều 6; điểm a khoản 1 Điều 23; điểm b khoản 1 Điều 24 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Quốc hội qui định mức thu, miễn giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án. Điểm b tiểu mục 1.3 mục 1 phần II Danh mục án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên bố: Dương Văn M phạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" và "Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức; tội sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan tổ chức"

Xử phạt: Dương Văn M 07 (bảy) năm tù về tội " Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" và 03 (ba) năm tù về tội" Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức; tội sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan tổ chức". Tổng hợp hình phạt buộc bị cáo phải chấp hành của hai tội là 10 (mười) năm tù. Thời gian chấp hành hình phạt tính từ ngày 14/12/2020.

*** Về vật chứng và trách nhiệm dân sự:**

- Tịch thu nộp ngân sách nhà nước 01 điện thoại di động hiệu Sam Sung bên trong có gắn thẻ sim 0977963297 thu giữ của Dương Văn M (tang vật hiện đang

lưu giữ tại cơ quan Thi hành án dân sự huyện Quảng Xương theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 16/7/2021)

- Buộc bị cáo Dương Văn M phải có trách nhiệm trả lại cho anh Nguyễn Duy L số tiền: 150.000.000đ; ông Trần Tất C số tiền: 64.000.000đ; anh Nguyễn Thế Q số tiền 20.000.000đ; chị Hoàng Thị B số tiền: 46.000.000đ; anh Phạm Thanh V số tiền: 50.000.000đ. Tổng là 330.000.000đ.

Kể từ ngày án có hiệu lực pháp luật, các bị hại có đơn yêu cầu thi hành án đối với số tiền bị cáo phải trả, bị cáo không thi hành hoặc thi hành không đầy đủ thì hàng tháng còn phải trả thêm khoản lãi phát sinh theo mức lãi xuất qui định tại khoản 2 Điều 468 của BLDS tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án

Về án phí: Bị cáo phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm và 16.500.000đ án phí dân sự có giá ngạch.

Trường hợp quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thi ng-ời đ-ợc thi hành án dân sự, ng-ời phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị c-ỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6,7, 7a ,9 của Luật Thi hành án Dân sự, thời hiệu thi hành án đ-ợc thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án Dân sự.

Bị cáo, bị hại anh Nguyễn Duy L có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, các bị hại vắng mặt gồm ông Trần Tất C, anh Nguyễn Thế Q, chị Hoàng Thị B, anh Phạm Thanh V có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án./.

Nơi nhận:
- Bị cáo, các bị hại;
- VKSND huyện Q;
- Công an huyện Q;
- Thi hành án dân sự huyện Q;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Bùi Thị Huyền

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Hội thẩm nhân dân **Chủ tọa**

Đặng Ngọc Bình **Nguyễn Thị Lệ Thanh** **Bùi Thị Huyền**

Bùi Thị Huyền

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Hội thẩm nhân dân **Chủ tọa**

Lê Sỹ Quyền **Ngô Thị Hằng** **Bùi Thị Huyền**